TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 9 - 2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Lê Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Vòng.

Bà: Đặng Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số số 109/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 59/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 103/TB-TA ngày 26/8/2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1992. Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình; chổ ở hiện nay: Thôn G, xã Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Văn thư Công ty xây dựng M. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn V, sinh năm 1989. Nơi ĐKHK thường trú và cư trú: Thôn Đ, xã Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Lái xe. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2019, bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đặng Văn V xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ TP. Đ vào ngày 22/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với bố mẹ anh V ở Thôn Đ, xã Đ. Quá trình sống chung vợ chồng luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh V không chịu chú tâm làm ăn lo cho gia đình con cái, suốt ngày anh V chỉ chơi bời cờ bạc, lô đề, cá độ bóng đá… Chị T đã nhiều lần khuyên can anh V nhưng anh V vẫn không thay đổi, không có tiền anh V còn đi vay nặng lãi để đánh bạc, làm cho cuộc sống vợ chồng gặp nhiều khó khăn, vợ chồng luôn xảy ra bất đồng. Chị T đưa

con về nhà mẹ đẻ ở hai bên sống ly thân đã hơn một năm nay, không ai quan tâm đến ai; tình cảm vợ chồng không còn chị T xin được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Đặng Trần Quốc B, sinh ngày 15/11/2013, hiện cháu đang ở với chị T, sau ly hôn chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh V đóng góp tiền nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu giải quyết.

* Sau khi được Toà án thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa, tại bản tự khai đề ngày 08/5/2019 bị đơn anh Đặng Văn V trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

- Về quá trình tìm hiểu kết hôn và chung sống của vợ chồng anh và chị Trần Thị Ngọc T như chị T đã khai; vợ chồng kết hôn có đăng ký tại UBND xã Đ ngày 22/3/2013 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu; sau khi cưới vợ chồng sống chung tại gia đình bên nội ở thôn Đ xã Đ. Trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẩn, cải vã nhau. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; chị T đã tự đưa con về sống với gia đình bên ngoại, vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 3/2018 cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh V cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung Đặng Trần Quốc B sinh ngày 15/11/2013, hiện cháu đang ở với mẹ, sau ly hôn chị Thuận có nguyện vọng xin được nuôi con chung anh V đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện đóng góp tiền nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc T, đây là vụ án hôn nhân gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại TP. Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã thông báo thụ lý vụ án cho anh Đặng Văn V là bị đơn, anh Vinh đã đến Tòa theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Sau đó Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn Đặng Văn V đến Toà để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải

nhưng anh V không đến Toà án để hoà giải theo giấy triệu tập nên Toà án không thể tiến hành hoà giải được.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập bị đơn đến phiên toà đã được Toà án tống đạt hợp lệ, tại phiên toà ngày 12/8/2019 anh Đặng Văn V vắng mặt lần thứ nhất nên Toà án đã hoãn phiên toà. Quyết định hoãn phiên toà và Thông báo ấn định thời gian địa điểm mở lại phiên toà lần thứ hai đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn, tại phiên toà hôm nay anh Vinh tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc T và anh Đặng Văn V xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Lẽ ra, anh chị phải biết thương yêu, chung thuỷ, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thiếu sự chia sẻ trách nhiệm, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng căng thẳng, chị T bỏ về bên ngoại ở từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay, vợ chồng đã thực sự chấm dứt quan hệ và sống ly thân, không có trách nhiệm gì với nhau. Chị T xin ly hôn, anh V cũng đồng ý và không đến Tòa để được hòa giải. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho vợ chồng ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Sau ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi con chung yêu cầu anh V đóng góp cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng, anh V cũng đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện đóng góp tiền nuôi con 1.000.000 đồng/tháng là cũng phù hợp yêu cầu của chị T. Vì vậy, hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu cháu Đặng Trần Quốc B, sinh ngày 15/11/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng buộc anh V đóng góp cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; anh Đặng Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Ngọc T được ly hôn anh Đặng Văn V.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Đặng Trần Quốc B, sinh ngày 15/11/2013 cho chị Trần Thị Ngọc T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; buộc anh Đặng Văn V có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu Bảo tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà giải quyết nên không xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; anh Đặng Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung quỹ Nhà nước. Số tiền chị T phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Đồng Hới theo biên lai số AA/2017/ 0005248 ngày 23 tháng 4 năm 2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự.
- UBND xã Đ, ĐH, QB;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hồng Sơn